

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 15-8-2022

*“V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Ngọc*

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai- tỉnh Bạc Liêu: Bà Nguyễn Mộng Đẹp–Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXX -DS ngày 19 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương T** sinh năm 1976

Địa chỉ: Khóm 5, phường H P, thị xã GR, tỉnh B L

***Đồng bị đơn: Bà Vương Chúng K** sinh năm 1970

Ông Trương Anh D sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường H P, thị xã GR, tỉnh BL

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, các bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị Phương T trình bày: Bà cho bà K và ông D vay 200.000.000 đồng, thời điểm là sau khi bà K và ông D trả xong nợ 100.000.000 đồng trong hợp đồng công chứng ngày 29/7/2015. Thời gian cho vay 200.000.000 đồng thì bà không nhớ ngày tháng năm nào, lúc giao tiền thì bà K nhận trực tiếp của bà T là 200.000.000 đồng, bà K có làm giấy tay, kèm theo 01 bằng khoán đưa cho bà làm tin. Sau này bà đòi thì bà K có ký tờ giao kèo ngày 22/9/2016 âm lịch, hai bên thỏa thuận lãi là 6.000.000 đồng/tháng nhưng bà K đóng lãi được 06 tháng tiền lãi thì không đóng lãi. Ông Trương Anh D

đứng ra trả cho bà 50.000.000 đồng, bà T đã giao lại bằng khoán và giấy nợ 200.000.000 đồng cho ông Trương Anh D, bà K ghi lại tờ hợp đồng không ghi ngày tháng năm là còn nợ lại bà T là 150.000.000 đồng. Việc nợ của bà K thì ông D cũng biết, vì ông D và bà K là vợ chồng, sống chung nhà thì phải biết. Khi cho vay 200.000.000 đồng thì bà K không tiếp tục đóng lãi nữa nên khi ông D đứng trả 50.000.000 đồng (trả 2 lần). Đến nay bà K không đóng cho bà T một đồng lãi nào và cũng không trả vốn cho bà. Nay bà yêu cầu bà K và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ vốn là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi sau 6 tháng kể từ ngày 22/9/2016 âm lịch.

Đối với bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D thì Tòa án có tiến hành triệu tập làm việc và đến nhà để tiến hành ghi lời khai nhưng ông D không hợp tác, không đồng ý cho Thẩm phán ghi lời khai nên không thu thập được ý kiến của ông D. Còn bà K thì qua xác minh hiện nay bà K không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành tổng đạt theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định địa các Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Các bị đơn là bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà K và ông D tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do nên tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà K và ông D là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Thủy, buộc bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ còn thiếu cho bà Trần Thị Phương T là 150.000.000 đồng tiền nợ vốn, số tiền lãi tính từ ngày 22/05/2017 dương lịch đến ngày xét xử là 140.292.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D.

[2] Hội đồng xét xử xem xét đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn cùng với các chứng cứ mà đương sự cung cấp trong hồ sơ cũng như tính thực tế khách quan. Hội đồng xét xử nhận định: Bà Trần Thị Phương Thủy yêu cầu bà Vương Chúng K

và ông Trương Anh D cùng có trách nhiệm trả cho bà Tsố tiền nợ vốn là 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi sau 6 tháng kể từ ngày 22/9/2016 âm lịch.

Xét thấy, bà Tcó cung cấp Tờ giao kèo ngày 22/09/2016 âm lịch có ghi: “...Hôm nay ngày 22/9AL tôi Vương Chúng K là người mượn nợ Trần Thị Phương Tsố tiền 200 triệu, 200 triệu này là 6 triệu tiền lãi với lời hứa trong vòng tháng 10AL là trả trước 50 triệu vốn với 6 triệu lãi, lãi suất trả ngày 11/10/2016AL...” và Tờ hợp đồng không ghi ngày tháng có ghi: “...Tôi Vương Chúng K có vay chị Trần Thị Phương T150.000.000 đồng, tôi hứa từ đây đến tết tôi sẽ trả ...”. Cả hai tài liệu, chứng cứ mà bà Tcung cấp đều có chữ ký và chữ viết tên Vương Chúng K, bà Txác định đó là chữ ký và chữ viết của bà K.

Trong quá trình giải quyết, bà Trần Thị Phương Tcó cung cấp Hợp đồng vay tiền ghi ngày 29/07/2015 (số tiền nợ trong hợp đồng bà K và ông D đã thanh toán xong) có chữ ký, chữ viết của bà K và ông D. Mục đích mà Tcung cấp là để đổi chiều chữ viết và chữ ký của bà K nhằm chứng minh bà K còn nợ bà Tsố tiền 150.000.000 đồng như đã ghi trong Tờ giao kèo, Tờ hợp đồng. Tờ hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2015 được Công chứng tại Văn phòng công chứng Hộ Phòng, có chữ ký của công chứng viên và đóng dấu của Văn phòng công chứng Hộ Phòng.

Tại bản kết luận giám định ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký Vương Chúng K trong Tờ giao kèo đề ngày 22/9/2016 và chữ ký Vương Chúng K trong Tờ hợp đồng không đề ngày so với chữ ký Vương Chúng K trong mẫu tài liệu so sánh là Tờ hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2015 là cùng một người ký ra.

Việc bà Tyêu cầu ông D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp vì số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà K và ông D.

Từ những điều trên, hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Phương T về việc yêu cầu bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng.

Bà Tyêu cầu bà K và ông D trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, thời gian tính lãi sau 06 tháng từ ngày 22/09/2016 âm lịch (nhằm ngày 22/10/2016 dương lịch). Hội đồng xét xử xét thấy theo Tờ giao kèo thì các bên có thoả thuận là tiền lãi 6.000.000 đồng/tháng trên số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tức là 3%/ tháng , thoả thuận này đã vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên toà, bà Txác định bà K đã đóng 6 tháng tiền lãi là 36.000.000 đồng. Theo quy định pháp luật thì bà K phải trả lãi 20%/năm trên số tiền 200.000.000 đồng = 3.320.000 đồng/tháng x 6 tháng = 19.920.000 đồng, như vậy bà K trả lãi dư 16.080.000 đồng.

Sau 06 tháng đóng lãi và trả được 50.000.000 đồng thì từ ngày 22/05/2017 dương lịch đến nay bà K không trả vốn và lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, hội đồng xét xử buộc bà K và ông D liên đới nghĩa vụ trả số tiền lãi từ ngày 22/05/2017 dương lịch đến ngày 15/08/2022 dương lịch là 62 tháng 24 ngày: 2.490.000 đồng x 62 tháng 24 ngày = 156.372.000 đồng. Bà K và ông D được đổi

trừ số tiền đóng lãi dư là 16.080.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về tiền lãi của bà Tlà có cơ sở, vì vậy buộc bà K và ông D có trách nhiệm trả cho bà Tlà số tiền lãi 140.292.000 đồng. Tổng số tiền bà K và ông D phải trả cho bà Tlà 290.292.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 140.292.000 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D cùng phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Phương Tđã dự nộp 6.082.000đồng để chi phí cho việc giám định chữ ký. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà Tđối với bà K, ông D là có căn cứ nên bà K và ông D có nghĩa vụ cùng phải nộp số tiền 6.082.000đồng hoàn trả lại cho bà Ttại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Xét thấy, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương Tđối với bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D.

Buộc bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 290.292.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 140.292.000 đồng) cho bà Trần Thị Phương T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D phải cùng chịu án phí là 14.514.600 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

- Bà Trần Thị Phương Tđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.091.000đồng theo biên lai thu số 0003729 ngày 19/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Vương Chúng K và ông Trương Anh D có nghĩa vụ cùng phải nộp số tiền 6.082.000đồng hoàn trả lại cho bà Trần Thị Phương Ttại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai
- Chi cục THA thị xã Giá Rai
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Yến Ngọc

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 22 tháng 6 năm 2017

Tại: phòng nghị án của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Yến Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Quốc Lâm**

2. Ông **Lương Chí Nguyên**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 109/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2016 về việc “tranh chấp tiền hui” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Hương, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Bích, sinh năm 1973

Anh Phan Vũ Oanh, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Phong Thạnh Tây, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; điều 20, 23, 24, 30 Nghị định 144/2006/QĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.
- Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Hương đối với chị Nguyễn Ngọc Bích và anh Phan Vũ Oanh về việc đòi lại tiền nợ hui.

Buộc chị Nguyễn Ngọc Bích và anh Phan Vũ Oanh cùng có nghĩa vụ trả cho chị Lý Thị Hương số tiền nợ hui là 87.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Ngọc Bích và anh Phan Vũ Oanh cùng phải nộp là 4.350.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng 2.175.000 đồng do chị Lý Thị Hương nộp theo biên lai thu số 0001227 ngày 21/11/2016 được hoàn lại đủ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

(Tất cả các vấn đề của vụ án đã được hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết : 3/3)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 22 tháng 6 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Giá Rai, ngày 04 tháng 09 năm 2014

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông (bà):

2/- Ông (bà):

Vào hồi 10 giờ 25 phút, ngày 04 tháng 09 năm 2014

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử vụ án: tranh chấp
“Hôn nhân và gia đình” giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Lâm Thị Út**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm 6, phường 1, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Tạm trú: Ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: **Anh Mai Chí Toại**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc

Tiến hành nghị án về vụ án tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*”

Căn cứ vào Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự; Sau khi nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất biểu quyết 3/3.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 11; 87; 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 2, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Lâm Thị Út và anh Mai Chí Toại có quan hệ vợ chồng. (**HĐXX biểu quyết 3/3**)

2/ Về quan hệ con cái: Giao đứa con tên Lâm Hoàng Thảo Duy, sinh ngày 28/05/2013 cho chị Lâm Thị Út tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Mai Chí Toại.

Anh Toại không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản. (**HĐXX biểu quyết 3/3**)

3/ Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. (**HĐXX biểu quyết 3/3**)

4/ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân chị Lâm Thị Út phải nộp 200.000đ, chị đã dự nộp 200.000đ ngày 01/08/2014 biên lai thu số 004413 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

(Các vấn đề của vụ án đã được HĐXX biểu quyết : 3/3)

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Mai Chí Toại biết có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

HTND

CHỦ TỌA

HTND

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: /2013/HNGĐ

Ngày: 29/03/2013

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài*

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1/.

2/.

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Cán bộ Tòa án*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giá Rai: Bà Quách Thị Hồng Chuyên – Kiểm sát viên*

Ngày 29 tháng 03 năm 2013, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2013/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2013 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2013/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2013 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Đẹp**, sinh năm 1984*

Địa chỉ: Ấp 3 – Phong Thạnh Đông A - Giá Rai – Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay: Ấp 5 – Phong Tân - Giá Rai – Bạc Liêu

** Bị đơn: **Anh Lê Ngọc Quang**, sinh năm 1982*

Địa chỉ: Ấp 3 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn và tờ tự khai chị Nguyễn Thị Đẹp trình bày: Chị và anh Lê Ngọc Quang cưới nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh Đông A vào năm 2011. Vợ chồng sống chung có 01 đứa con tên Lê Ngọc Điễm, sinh ngày 26/11/2007, hiện nay con đang ở với chị. Về quan hệ vợ chồng chị yêu cầu xin ly hôn với anh Quang do vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng sống xa nhau từ tháng 09/2012 cho đến nay. Về con chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng. Về tài sản và nợ vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong hồ sơ anh Lê Ngọc Quang trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Đẹp kết hôn vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh Đông A vào năm 2011. Vợ chồng sống chung có 01 đứa con tên Lê Ngọc Điễm, sinh ngày 26/11/2007, hiện nay con đang ở với chị Đẹp. Về quan hệ vợ chồng chị Đẹp yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh

không đồng ý do còn thương vợ và con. Vợ chồng sống xa nhau từ tháng 09/2012 cho đến nay. Về con anh cũng đồng ý giao con cho chị Đẹp nuôi dưỡng và xin tạm miễn việc cấp dưỡng. Về tài sản và nợ vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Thị Đẹp và anh Lê Ngọc Quang chung sống từ năm 2006 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh Đông A vào năm 2011. Chị Đẹp yêu cầu xin ly hôn với anh Quang vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hai người đã tự sống xa nhau từ tháng 09/2012 cho đến nay. Anh Quang không đồng ý ly hôn, yêu cầu xin đoàn tụ, hàn gắn. HĐXX nhận xét đời sống gia đình phải xuất phát tình cảm từ giữa hai người và vợ chồng phải thật sự yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dạy con cái, thương yêu nhau và bình đẳng về mọi mặt nhưng tình cảm giữa chị Đẹp và anh Quang đã có sự rạn nứt. Tại phiên Tòa hôm nay chị Đẹp vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Quang còn anh Quang xin đoàn tụ nhưng không chủ động gấp gáp nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, cứ để cho mặc sự việc xảy ra nên HĐXX căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đẹp và anh Quang đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đẹp và anh Quang.

Về con: Chị Đẹp và anh Quang thống nhất có 01 đứa con chung tên Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 26/11/2007, hiện nay con đang sống với chị Đẹp, hai bên thống nhất giao con cho chị Đẹp tiếp tục nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên phù hợp với pháp luật nên HĐXX ghi nhận: Giao đứa con tên Lê Ngọc Diễm cho chị Đẹp tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đẹp không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Quang. Anh Quang không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản

Về tài sản và nợ: Hai bên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đẹp phải nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 89, 91, 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đẹp được ly hôn với anh Lê Ngọc Quang.

2/ Về quan hệ con cái: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đẹp và anh Quang: Giao đứa con tên Lê Ngọc Điềm, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Đẹp tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đẹp không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Quang. Anh Quang không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản và nợ: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân chị Nguyễn Thị Đẹp phải nộp 200.000đ, chị đã dự nộp 200.000đ ngày 07/01/2013 biên lai thu số 009001 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Đẹp không phải nộp, chị đã dự nộp 400.000đ lai thu số 009002 ngày 07/01/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai chị sẽ được hoàn trả lại đủ do tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

HTND

CHỦ TỌA

HTND

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Giá Rai, ngày 29 tháng 03 năm 2013

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vụ án xét xử: tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Đẹp**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 3 – Phong Thạnh Đông A - Giá Rai – Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay: Ấp 5 – Phong Tân - Giá Rai – Bạc Liêu

* Bị đơn: **Anh Lê Ngọc Quang**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp 3 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Tài**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông (bà):

2/- Ông (bà):

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 89, 91, 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đẹp được ly hôn với anh Lê Ngọc Quang. **(HĐXX biểu quyết 3/3)**

2/ Về quan hệ con cái: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đẹp và anh Quang: Giao đứa con tên Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Đẹp tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đẹp không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Quang. Anh Quang không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản **(HĐXX biểu quyết 3/3)**

3/ Về tài sản và nợ: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. **(HĐXX biểu quyết 3/3)**

4/ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân chị Nguyễn Thị Đẹp phải nộp 200.000đ, chị đã dự nộp 200.000đ ngày 07/01/2013 biên lai thu số 009001 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Đẹp không phải nộp, chị đã dự nộp 400.000đ lai thu số 009002 ngày 07/01/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai chị sẽ được hoàn trả lại đủ do tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Các vấn đề của vụ án đã được HĐXX biểu quyết : 3/3)

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

HTND

CHỦ TỌA

HTND

